

CÁC CHIẾN LƯỢC HỌC TỪ VỰNG: PHÂN TÍCH SO SÁNH VỀ NGƯỜI HỌC TIẾNG ANH

Nguyễn Thị Luyến¹, Nguyễn Thúy Ngọc¹, Nguyễn Thị Kim Uyên¹

Email: ntnhoc.khoann@uneti.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 26/05/2025

Ngày phản biện đánh giá: 15/08/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.640

Tóm tắt: Giảng viên (GV) và nhà nghiên cứu (NNC) cần hiểu phương pháp học tập của sinh viên (SV) để tạo ra môi trường học tập có kết quả học tập chất lượng cao. Để làm được điều này, một cuộc khảo sát gồm 218 sinh viên EFL học tiếng Anh năm nhất, năm hai và năm ba tại UNETI đã tham gia trong nghiên cứu (NC) này. Mục đích là để xác định liệu có sự khác biệt đáng kể nào trong chiến lược tiếp thu từ vựng của SV ở các cấp độ khác nhau hay không. Những người tham gia đã trả lời các câu hỏi đóng và mở của Chiến lược học từ vựng. Kết quả phân tích định lượng và định tính cho thấy có sự khác biệt đáng chú ý trong chiến lược tiếp thu từ vựng được sinh viên (SV) đã sử dụng. Trên thực tế, việc kiểm tra các kỹ thuật tiếp thu từ vựng khác nhau mà người học tiếng Anh sử dụng có thể làm nổi bật những khác biệt trong việc tiếp thu từ vựng của từng cá nhân và thúc đẩy người hướng dẫn EFL cũng như người thiết kế chương trình giảng dạy tạo ra các nguồn tài liệu và bài tập hỗ trợ SV mở rộng vốn từ vựng của họ.

Từ khóa: Chiến lược học từ vựng (CLHTV), sinh viên học tiếng Anh, dạy và học tiếng Anh, môi trường học, nâng cao động lực học

I. Đặt vấn đề

Từ lâu, từ vựng đã được công nhận là thành phần chính của ngôn ngữ. Theo Lewis (1993), “từ vựng là cốt lõi hay trái tim của ngôn ngữ” và đối với những người học ngoại ngữ nói chung, từ vựng đóng một vai trò rất quan trọng Cameron (2001). Do đó, sự phát triển từ vựng của người học được coi là một khía cạnh quan trọng trong quá trình phát triển ngôn ngữ

của họ, Linse (2005). Để có được từ vựng tốt, người học tiếng Anh nên áp dụng một số “CLHTV”. Nếu không có chiến lược, người học sẽ khó ghi nhớ từ mới và sử dụng chúng sau này Bennett, P. (2006).

Nhận thức được điều này, tác giả của bài báo mong muốn trình bày về tầm quan trọng của “CLHTV”. Thông qua việc NC các CLHTV tiếng Anh của SV tại UNETI, tác giả mong muốn làm rõ tần suất

¹ Trường Đại học Kinh Tế-Kỹ thuật Công nghiệp

sử dụng CLHTV cũng như những điểm tương đồng và khác biệt trong cách sử dụng “CLHTV” giữa các nhóm đối tượng. O’Malley và Chamot (1990) đã đề xuất ba loại chiến lược bao gồm: chiến lược nhận thức, siêu nhận thức và chiến lược xã hội/tình cảm. Cùng lúc đó, Oxford (1990) đã giới thiệu phương pháp phân loại cổ điển thành sáu loại chiến lược nhận thức, siêu nhận thức, ghi nhớ, đền bù, tình cảm và xã hội. Những người tham gia đều có nền tảng ngôn ngữ mẹ đẻ là tiếng Việt Nam (L1) và đã học tiếng Anh EFL ở các độ tuổi khác nhau và với lượng đầu vào EFL khác nhau. Tác giả áp dụng các phân tích định lượng và định tính để làm rõ các CLHTV được người học tiếng Anh ở các trình độ học vẫn khác nhau áp dụng.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Lịch sử nghiên cứu

Thông qua việc xem xét tài liệu, có sự phân loại các chiến lược học ngôn ngữ. O’Malley và Chamot (1990) đã giới thiệu siêu nhận thức, nhận thức và xã hội/tình cảm như ba loại chiến lược học tập cơ bản nhất. Phù hợp với nhận thức sâu sắc này, Oxford (1990) đã giới thiệu hai loại chiến lược lớn bao gồm trực tiếp và gián tiếp. NC trước bao gồm các chiến lược ghi nhớ, nhận thức và đền bù trong khi NC sau bao gồm các chiến lược siêu nhận thức, tình cảm và xã hội. Gần đây, Gu và Johnson (1996) đã chỉ ra rằng các chiến lược nhận thức và điều chỉnh siêu nhận thức là hai khía cạnh chính của CLHTV bao gồm sáu tiểu mục: đoán, sử dụng từ điển, ghi chú, luyện tập, mã hóa và kích hoạt. Tương ứng với xu hướng chủ đạo của Schmitt (1997, 2000) đã đề xuất hai loại CLHTV bao gồm chiến lược khám

phá và củng cố mà trước đây đề cập đến sự quyết tâm và chiến lược xã hội trong khi loại sau bao gồm các chiến lược xã hội, trí nhớ, nhận thức và siêu nhận thức.

Nếu SV muốn phát triển vốn từ vựng của mình với tư cách là người học tự chủ, SV nên học các chiến lược để làm điều đó. Sự quan tâm đến các CLHTV như vậy đã tiếp tục tăng lên trong vài thập kỷ, kể từ khi việc dạy ngôn ngữ giao tiếp bắt đầu trở nên phổ biến vào những năm 1970 và 1980. Trong lịch sử, người ta cho rằng người học chỉ tiếp thu từ vựng một cách ngẫu nhiên, do tiếp xúc với đầu vào chứ không nhất thiết phải thông qua hướng dẫn rõ ràng, Hazenberg & Hulstijn (1996). Tuy nhiên, NC trong lĩnh vực này đã tập trung vào việc xác định các loại chiến lược chung có liên quan đến việc học thành công cũng như triển khai các chiến lược này vào các lĩnh vực học ngôn ngữ cụ thể hơn, chẳng hạn như phát triển từ vựng L2, Schmitt(1997). Một phần NC về chiến CLHTV tập trung vào những người học giỏi hơn là những người yếu. Mục đích là để nhận ra những đặc điểm và cách thực hành của những người học ngôn ngữ thành công để hiểu và hướng dẫn cho những người học kém thành công hơn, Plonsky (2011). Những người học thành thạo ngôn ngữ có ý thức về những gì họ có thể học về từ vựng mới, chú ý hơn đến chính tả và hình thức, đồng thời có thể học dễ dàng hơn từ ngữ cảnh. Mặt khác, những người học kém thành công không muốn sử dụng từ điển và bỏ qua những từ, ngữ cảnh chưa biết trong quá trình học.

2.2. Chiến lược học từ vựng

Trong nỗ lực phân tích cụ thể những phát hiện của NC học từ vựng, Schmitt

(1997) đưa ra ba kết luận chung: thứ nhất, tầm quan trọng của việc học từ vựng đối với hầu hết SV thúc đẩy họ sử dụng nhiều chiến lược hơn những khía cạnh khác; thứ hai, SV tận dụng một số chiến lược máy móc như ghi nhớ, ghi chú và lặp lại, trái ngược với các chiến lược xử lý sâu như đoán, tưởng tượng và kỹ thuật từ khóa; và cuối cùng, họ sử dụng nhiều chiến lược khác nhau, đây là một trong những đặc điểm quan trọng của một người học hiệu quả, người chủ động quản lý việc học từ vựng của mình. Schmitt cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thu hút sự chú ý của SV đến tần suất của các từ mục tiêu trong khi họ được khuyến nghị về các CLHTV.

Mặt khác, trọng tâm của một số NC đã tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng khiến SV thích sử dụng một CLHTV cụ thể hơn. Fan (2003) nhận thấy rằng người học sử dụng các chiến lược mà họ cho là hữu ích thường xuyên hơn. Về CLHTV, một NC chủ đạo khác cũng đã xem xét chúng trong bối cảnh lớp học. Grenfell và Harris (1999) cung cấp những hiểu biết sâu sắc về hiệu quả của việc thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức để giúp người học làm quen và nhận thức được các chiến lược siêu nhận thức, hướng họ đến việc sẵn sàng sử dụng các chiến lược ghi nhớ từ vựng mới hơn. Đây là chiến lược hữu ích không chỉ cho việc học từ vựng mà còn cho việc cải thiện hiệu suất kiểm tra.

2.3. Phân loại CLHTV

Phù hợp với các NC trước đây và ủng hộ tầm quan trọng của việc hướng dẫn các CLHTV trong lớp học, Mizumoto và Takeuchi (2009) nhận thấy việc dạy các chiến lược hiệu quả có thể thay đổi

việc người học sử dụng thường xuyên các chiến lược ghi nhớ có liên quan tích cực đến ngôn ngữ của họ. Xem xét tài liệu, các NC đã được thực hiện để cung cấp cái nhìn sâu sắc hữu ích về mối quan hệ giữa các CLHTV với cả chiều rộng và kiến thức chiều sâu từ vựng, Kojic-Sabo & Lightbown, 1999.

Tóm lại, người dạy và người học thường sử dụng nhiều cách dạy và học từ vựng khác nhau như sử dụng flashcard, vở, từ điển hoặc từ đồng nghĩa, trái nghĩa. Bất chấp những nỗ lực này và luôn gặp rất nhiều khó khăn, từ vựng cho đến nay vẫn là thành phần lớn và khó quản lý nhất. Điều này đặt ra một câu hỏi cơ bản là tại sao việc học từ vựng lại là một trải nghiệm đầy thử thách và không hiệu quả? Chiến lược nào có thể được sử dụng để làm cho từ vựng bớt khó khăn hơn? Theo đó, NC hiện tại nhằm mục đích tập trung vào việc khám phá các CLHTV của SV, những chiến lược này đã được chứng minh là đóng vai trò nổi bật trong suốt cuộc đời của SV. Để hiểu rõ hơn về CLHTV, tác giả nêu các câu hỏi NC sau:

1. Những người học có trình độ học vấn khác nhau chia sẻ các CLHTV chung ở mức độ nào?

2. SV tham gia có phản ánh thế nào về CLHTV tiếng Anh?

Bằng cách giải quyết những câu hỏi này trong NC này, tác giả hy vọng sẽ góp phần mang lại sự hiểu biết đầy đủ hơn về các CLHTV tiếng Anh.

III. Phương pháp

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Mẫu đối tượng NC chủ yếu là nữ (75,7%) với độ tuổi từ 18 đến 20 tuổi. Các

SV đang học nhất (60%), năm hai (32%) và năm thứ ba (8%). Có 148 SV năm nhất, 39 SV năm hai và 31 SV năm ba, được chọn từ các khoa tại UNETI. Các SV tình nguyện tham gia và cam kết sẽ trung thực trong quá trình NC. Họ cũng hiểu rằng kết quả thu thập dữ liệu chỉ phục vụ mục đích NC.

3.2. Công cụ thu thập dữ liệu

NC này sử dụng thiết kế theo phương pháp hỗn hợp qua bảng câu hỏi đóng và mở làm công cụ NC để tìm hiểu thái độ của SV đối với các CLHTV. Để nâng cao tính giá trị của dữ liệu và tránh việc người tham gia hiểu nhầm hoặc không thể hiện đầy đủ quan điểm của mình do hạn chế về trình độ tiếng Anh, họ được quyền sử dụng tiếng Việt hoặc tiếng Anh khi trả lời các câu hỏi. Các câu trả lời đã được chép lại bằng Tiếng Việt và dịch sang Tiếng Anh để làm hiệu đính. Các câu trả lời được mã hóa để phát triển các danh mục, chủ đề cũng như để xác định các mô hình và mối quan hệ.

3.2.1. Bảng câu hỏi về CLHTV

NC này sử dụng Bảng câu hỏi CLHTV (VLSQ) của Schmitt được Bennett (2006) công bố, thang đo Likert gồm 40 mục với hệ số độ tin cậy là 0,83. Người học đưa ra câu trả lời của mình theo thang đo Likert năm điểm, với các câu trả lời có sẵn là: không bao giờ (1), hiếm khi (2), đôi khi (3), thường xuyên (4) và luôn luôn (5). Thang điểm 5 giúp thu thập thông tin chi tiết và rõ ràng hơn. Bảng câu hỏi cũng được thử nghiệm sử dụng một nhóm nhỏ SV có đặc điểm tương tự như những người tham gia NC chính. Mục đích là để đảm bảo bảng câu hỏi bao gồm các CLHTV tiếng Anh giúp SV có thể hiểu bảng câu hỏi một cách rõ ràng.

Mặc dù việc hoàn thành bảng câu hỏi mất khoảng 30-35 phút nhưng các nhà NC đã thông báo cho SV rằng không cố định thời gian để hoàn thành nó.

3.2.2. Bảng câu hỏi mở

Các câu hỏi mở nhằm mục đích tìm hiểu nhận thức của SV về các CLHTV tiếng Anh, đã được thực hiện trong lớp học. Trước khi hoàn thành bảng câu hỏi, 159 SV đã được thông báo về mục tiêu NC cũng như hình thức chung của bảng câu hỏi và sự tham gia của họ là hoàn toàn tự nguyện và ẩn danh. Mỗi SV mất khoảng 20-25 phút để hoàn thành bảng câu hỏi. Dữ liệu được phân tích thủ công vì các chủ đề chính và chủ đề phụ được trích xuất từ bản ghi âm. Các câu trả lời được phân tích bằng tiếng Việt và các đoạn trích dùng để minh họa cho kết quả trong bài viết này đã được dịch sang tiếng Anh.

3.3. Quy trình nghiên cứu

Tác giả đã xin phép sự chấp thuận được tiến hành NC từ lãnh đạo trường UNETI và cam kết tuân thủ theo quy định của trường. Việc thu thập dữ liệu bắt đầu bằng một bảng câu hỏi đóng về CLHTV khoảng ba mươi lăm phút. SV được mời hoàn thành bảng câu hỏi tại lớp học hoặc gửi trực tuyến. Trong tuần tiếp theo, một bảng câu hỏi mở sẽ được phát trong lớp học của SV hoặc gửi trực tuyến. SV có đủ thời gian để trả lời đầy đủ các câu hỏi. Một số SV đã trả lời sau đó gửi lại kết quả câu trả lời ngay trong ngày, nhưng những SV khác đã gửi lại trong vòng một tuần. Các nhà NC đã có mặt tại địa điểm NC để giải thích mục tiêu và thiết kế của NC và không ảnh hưởng đến điểm số của quá trình học tập của SV.

IV. Kết quả

4.1. Phân tích định lượng

Phân tích phương sai một chiều (Bảng 1) cho thấy CLHTV của SV có sự khác biệt đáng kể về trình độ học vấn.

Bảng 1. Chiến lược học từ vựng theo trình độ học vấn

Các biến đổi	Trình độ	Số lượng	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Chiến lược học tiếng Anh	SV năm nhất	147	69.1	7.58
	SV năm hai	56	72.21	7.58
	SV năm ba	15	72.20	11.62
$f(2,309)=5,73$			$p=.004$	

Kết quả bài kiểm tra Tukey post hoc (Bảng 2) cho thấy CLHTV chỉ có sự khác biệt đáng kể giữa SV năm thứ nhất và SV hai.

Bài kiểm tra của Friedman về các CLHTV (Bảng 3) cho thấy mức độ ưu tiên của các chiến lược dành cho SV năm thứ

nhất theo thứ tự sau: Quyết tâm (1), Trí nhớ (2), Xã hội (3), Nhận thức (4) và Siêu nhận thức (ngày 5). Dành cho SV năm thứ hai và năm thứ ba: Siêu nhận thức (1), Nhận thức (2), Xã hội (3), Quyết tâm (4) và Trí nhớ (5).

Bảng 2. Bài kiểm tra bài học Tukey

Các biến đổi	Trình độ		Sự khác nhau về chỉ số trung bình
Chiến lược học tiếng Anh	SV năm hai	SV năm nhất	-3.11**
	SV năm hai	SV năm ba	-3.1ns
	SV năm nhất	SV năm ba	.01 ns

** $p \leq .01$ * $p \leq .05$ ns (ns = Không đáng kể)

4.2. Phân tích định tính

Việc phân tích dữ liệu định tính cho thấy các chiến lược sau đây được SV năm thứ hai và năm thứ ba sử dụng. Các câu hỏi chính như sau:

- Bạn học từ vựng bằng cách nào?

• Bạn xử lý những từ mới gặp trong tài liệu đọc như thế nào?

• Ngoài tất cả những cách học từ mới nêu trên, bạn thường áp dụng những chiến lược nào khác mà chưa được liệt kê trong bảng câu hỏi?

Bảng 3. Kiểm tra Friedman về chiến lược học từ vựng theo trình độ học vấn

Trình độ học vấn	Các yếu tố	Chỉ số trung bình	Sự ưu tiên	Chi bình phương	Số lượng	Bậc tự do
SV năm nhất	Sự quyết tâm	4.60	Hàng đầu	220.57**	147	4
Xã hội	3.64	Xếp thứ 3				
Siêu nhận thức	3.34	Xếp thứ 5				
Nhận thức	3.57	Xếp thứ 4				
Ghi nhớ	3.84	Xếp thứ 2				
SV năm hai	Siêu nhận thức	4.80	Hàng đầu	142.26**	56	4
Xã hội	3.64	Xếp thứ 3				
Ghi nhớ	3.44	Xếp thứ 5				

Trình độ học vấn	Các yếu tố	Chỉ số trung bình	Sự ưu tiên	Chỉ bình phương	Số lượng	Bậc tự do
Sự quyết tâm	3.52	Xếp thứ 4				
Nhận thức	3.70	Xếp thứ 2				
SV năm ba	Siêu nhận thức	5.04	Hàng đầu	29.11**	15	4
Sự quyết tâm	3.36	Xếp thứ 4				
Ghi nhớ	3.12	Xếp thứ 5				
Xã hội	3.40	Xếp thứ 3				
Nhận thức	3.62	Xếp thứ 2				

** p (giá trị p) < .01

Phân tích dữ liệu định tính (Bảng 3) cho thấy SV năm thứ ba sử dụng các chiến lược học tập siêu nhận thức, nhận thức và xã hội trong việc học từ vựng tiếng Anh. Đối với các chiến lược siêu nhận thức, SV báo cáo rằng họ sử dụng sổ ghi chép từ vựng, câu hỏi để suy ngẫm, nhật ký học tập và bài kiểm tra từ. Đề cập đến các chiến lược nhận thức, gạch chân, đánh dấu, lặp lại có hệ thống, ghi chú trong lớp, tóm tắt ý nghĩa, đoán nghĩa từ ngữ cảnh, sử dụng hình ảnh để ghi nhớ và sử dụng thẻ ghi chú là những CLHTV được đề cập. Các chiến lược xã hội phổ biến nhất với SV năm thứ ba bao gồm việc yêu cầu GV diễn giải hoặc từ đồng nghĩa của một từ mới, đặt một câu có chứa từ mới, hỏi các bạn cùng lớp về nghĩa, khám phá ý nghĩa mới thông qua hoạt động từ nhóm và tương tác với các bạn cùng lớp người bản xứ.

Các chiến lược cảm xúc tạo thành một thể loại khác của các CLHTV, bao gồm nghe nhạc, cố gắng suy nghĩ tích cực và tự khen thưởng bản thân. Phổ biến nhất về chiến lược ký ức với SV bao gồm kết nối từ với trải nghiệm cá nhân, liên kết từ với tọa độ của nó, kết nối từ với các từ đồng nghĩa và trái nghĩa của nó, sử dụng bản đồ ngữ nghĩa, sử dụng từ mới trong câu, sử dụng phương pháp từ khóa, diễn giải các từ nghĩa và sử dụng hành động thể chất khi học một từ.

V. Thảo luận

NC này nhằm mục đích so sánh sở thích về CLHTV của SV năm nhất, năm hai và năm ba tại UNETI. Kết quả NC cho thấy người học có trình độ học vấn khác nhau sử dụng CLHTV khác nhau. Chiến lược siêu nhận thức được cho là chiến lược đầu tiên được sử dụng thường xuyên nhất đối với SV năm ba. Điều đó cho thấy SV năm nhất, năm hai đang kiểm soát chặt chẽ việc học của mình một cách độc lập. Phát hiện này không giống với phát hiện trong NC của Sahbazian (2004) người tìm thấy các chiến lược siêu nhận thức là chiến lược ít được sử dụng hơn và kết luận rằng người học không hoặc không thể kiểm soát việc học của mình. Chiến lược nhận thức là chiến lược xếp ưu tiên số hai được SV EFL năm hai và ba sử dụng.

Phân tích dữ liệu cho thấy những chiến lược SV sử dụng thường xuyên nhất là quyết tâm và ghi nhớ. Việc sử dụng nhiều các chiến lược này cho thấy SV ưa thích các CLHTV đơn giản, ít cần hoạt động trí óc và xử lý hơn. Lý do các chiến lược ghi nhớ được coi là chiến lược được sử dụng thường xuyên nhất có thể là do sự phổ biến của việc học thuộc lòng trong SV.

Có nhiều yếu tố liên quan đến việc học một ngôn ngữ; GV ngôn ngữ nên cung

cấp và dạy các CLHTV khác nhau cho người học vì hầu hết họ đều không biết về những chiến lược này. Nhiều NC đã cung cấp bằng chứng cho thấy việc hướng dẫn chi tiết có tác động đến việc sử dụng chiến lược và thúc đẩy việc học từ vựng của người học. Những phát hiện như vậy là một trong những lý do Oxford (1999) tuyên bố rằng tần suất sử dụng một chiến lược và tỷ lệ phần trăm đóng góp của nó phải được xác định ngay từ đầu giờ học để giúp GV đạt được kết quả tốt nhất từ việc giảng dạy. Ngoài ra, việc giúp SV nhận thức được các CLHTV họ sử dụng trong học tập cũng như tính hiệu quả của chúng có thể giúp họ quản lý việc sử dụng chiến lược và từ đó cải thiện việc học.

VI. Kết luận và kiến nghị

Kết quả NC về CLHTV cho thấy, đa số SV năm nhất, năm hai và năm ba tại UNETI có nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của việc học từ vựng và phần lớn đồng ý rằng việc áp dụng nhiều CLHTV khác nhau là một điều thiết yếu. Kết quả NC cũng đã phản ánh hầu hết SV sử dụng các CLHTV với tần suất trên mức trung bình (trên 3,00) trong thang đo 5 cấp độ. Trong năm nhóm chiến lược học từ vựng, các chiến lược thuộc nhóm siêu nhận thức được SV năm hai và ba ưa chuộng và sử dụng nhiều nhất (với tần suất sử dụng ở mức cao), trong khi đó, tần suất sử dụng chiến lược xã hội là ít nhất.

Dựa vào kết quả thu được, NC này đề xuất một số kiến nghị như sau: Ngay từ đầu GV tiếng Anh nên chú trọng hơn vào việc giới thiệu cho SV biết về sự đa dạng của các CLHTV nhằm thu hút sự chú ý và nâng cao nhận thức của SV vào các CLHTV này. Bên cạnh đó, các GV sắp xếp

và đưa ra các tình huống hoặc hoạt động phù hợp có thể áp dụng trong và cả ngoài lớp học của họ để khuyến khích SV sử dụng các CLHTV này. Hơn hết, SV EFL cần chủ động nâng cao hiểu biết về các CLHTV để từ đó có động lực học ngôn ngữ và quản lý quá trình học tập của họ một cách hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bennett, P. (2006). An Evaluation of Vocabulary Teaching in an Intensive Study Programme. Unpublished MA Thesis. The University of Birmingham, Birmingham. The United Kingdom
- [2]. Cameron, L. (2001). Teaching languages to young learners. Cambridge: Cambridge University Press.
- [3]. Carrier, K. A. (2003). Improving high school English language learners' second language listening through strategy instruction. *Bilingual Research Journal*, 27(3), 383-408.
- [4]. Chamot, A. U. (1987). The learning strategies of ESL students. In A. Wenden & J. Rubin (Eds.), *Learner strategies in language learning* (pp. 71-83). Prentice Hall.
- [5]. Fan, M. Y. (2003). Frequency of use, perceived usefulness, and actual usefulness of second language vocabulary strategies: A study of Hong Kong learners. *The Modern Language Journal*, 87(2), 222-241.
- [6]. Grenfell, M., & Harris, V. (1999). Modern languages and learning strategies: In theory and practice. Routledge.
- [7]. Gu, Y., & Johnson, R. K. (1996). Vocabulary learning strategies and language learning outcomes. *Language Learning*, 46, 643-697
- [8]. Hazenberg, S., & Hulstijn, J. (1996). Defining a minimal receptive second

- language vocabulary for non-native university students: An empirical investigation. *Applied Linguistics*, 17(2), 145-163.
- [9]. Kojic-Sabo, I., & Lightbown, L.M. (1999). Students' approaches to vocabulary learning and their relationship to success. *Modern Language Journal*, 83(2), 176-192.
- [10]. Mizumoto, A., & Takeuchi, O. (2009). Examining the effectiveness of explicit instruction of vocabulary learning strategies with Japanese EFL university students. *Language Teaching Research*, 13(4), 425-449.
- [11]. O'Malley, J.M., Chamot, A.U., Stewner-Manzanares, G., Russo, R., & Kuper, I. (1990). *Learning strategies in second language acquisition*. Cambridge University Press.
- [12]. O'Malley, J.M., Chamot, A.U., Stewner-Manzanares, G., Russo, R., & Kuper, I. (1985). Learning strategy applications with students of English as a second language. *TESOL Quarterly*, 19(3), 285-296.
- [13]. Oxford, R. L. (1990). *Language Learning strategies. What every teacher should know*. Newbury house.
- [14]. Oxford, R. L. (1999). Learning strategies. In B. Spolsky (Ed.), *Concise encyclopedia of educational linguistics* (pp. 518-522). Elsevier.
- [15]. Sahbazian, S. (2004). *Perceived vocabulary learning strategies of Turkish University students* [Unpublished doctoral dissertation]. Oklahoma State University.

VOCABULARY LEARNING STRATEGIES: A COMPARATIVE ANALYSIS OF ENGLISH LEARNERS

Nguyen Thi Luyen², Nguyen Thuy Ngoc², Nguyen Thi Kim Uyen²

Abstract: *Teachers and researchers need to understand students' learning techniques to create a learning environment that promotes high-quality learning outcomes. For doing this, a sample of 218 EFL students enrolled in the first, second and third years of English language courses at the University of Economics-Technology for Industries (UNETI) is examined in this study. The goal was to determine whether there were any notable differences in the vocabulary acquisition tactics used by students at different levels. The participants responded to Vocabulary Learning Strategies' open-ended and closed-ended questions. The results of both quantitative and qualitative analysis showed that there were significant variations in the vocabulary acquisition tactics used by first-year, second-year and third-year students. In fact, examining the various vocabulary acquisition techniques employed by English language learners can highlight individual diversity in vocabulary acquisition and motivate EFL teachers and curriculum designers to create resources and exercises to aid students in expanding their vocabulary.*

Keywords: *Vocabulary learning strategies, EFL students, English teaching and learning, learning environment, increasing student motivation*

² University of Economics - Technology for Industries